

Bản án số: **09** /KDTM- ST

Ngày 07 tháng 6 năm 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng

mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Thị Minh**

Bà Nguyễn Thị Lan

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc**

Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai – thành phố Hà Nội

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

tham gia phiên tòa: **Bà Bùi Vũ Ngọc Trang** - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại đã thụ lý số 77/2020/KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc: *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07 ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48 ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH A;

Trụ sở: Thôn V, xã N, huyện P, Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phùng Thị O – Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Kim Dung- Luật sư Công ty TNHH Tư vấn Hoàng Minh- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Theo Giấy ủy quyền ngày 06/01/2020 (có mặt tại phiên tòa).)

- Bị đơn: Công ty cổ phần B

Trụ sở: Số 103 ngõ 281/5, phường H, quận H, Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị; ông Phan Văn V - Tổng giám đốc (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện, được bổ sung bởi Bản tự khai, Biên bản công khai chứng cứ và hòa giải, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH A trình bày như sau:

Ngày 02/5/2018 Công ty TNHH A(sau đây gọi tắt là công ty SPK) và công ty cổ phần B(sau đây gọi tắt là Công ty B) ký kết hợp đồng kinh tế số 08/2018, theo đó công ty SPK bán cho Công ty B 500.000 viên gạch đặc với đơn giá 1.400 VNĐ/ 01 viên. Tổng giá trị hợp đồng là 770.000.000 đồng.

Ngày 04/6/2018, Công ty SPK và Công ty B ký kết hợp đồng kinh tế số 09/2018, Công ty SPK bán cho Công ty B 500.000 viên gạch đặc với đơn giá 1.400 VNĐ/ 01 viên. Tổng giá trị hợp đồng là 770.000.000 đồng.

Tổng giá trị hai hợp đồng là 1.540.000.000 đồng

Thực hiện đúng các hợp đồng đã ký, Công ty SPK đã hoàn thành việc giao toàn bộ số gạch cho Công ty B theo thỏa thuận trong hợp đồng và đã xuất hóa đơn theo đúng quy định. Công ty B không có ý kiến gì về chất lượng gạch do Công ty SPK cung cấp.

Tuy nhiên, kể từ khi hết hạn thanh toán, Công ty B không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán. Sau nhiều lần yêu cầu, Công ty B mới thanh toán cho Công ty SPK số tiền 291.669.000 đồng vào ngày 31/12/2018. Đến hết ngày 12/02/2019, Công ty B mới thanh toán thêm cho Công ty SPK số tiền là 220.000.000 đồng. Việc thanh toán này, Công ty B trả làm nhiều lần, do quen biết nên giữa hai Công ty cũng không ký giấy nhận tiền nên nguyên đơn không thể cung cấp cho Tòa án các giấy tờ thanh toán của Công ty B. Do nhầm lẫn về tính toán nên trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên công khai chứng cứ và hòa giải, chúng tôi mới trình bày Công ty B mới thanh toán 485.000.000 đồng. Thực tế, Công ty B đã thanh toán cho Công ty SPK tổng số tiền là: 511.669.000 đồng. Tính cho đến thời điểm hiện nay, Công ty B còn nợ Công ty SPK số tiền: 1.028.331.000 đồng.

Mặc dù Công ty SPK nhiều lần liên hệ với Công ty B để yêu cầu thanh toán nợ nhưng không nhận được sự hợp tác của Công ty B, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty SPK.

Nay Công ty SPK đề nghị Tòa án buộc Công ty B thanh toán một lần cho chúng tôi số tiền: 1.028.331.000 đồng. Không đề nghị tính phí phạt như trong đơn khởi kiện đã yêu cầu.

2. Bị đơn là Công ty cổ phần B do ông Phan Văn Vlà người đại diện theo pháp luật trình bày: nhất trí với ý kiến của nguyên đơn, quan điểm của Công ty là có nợ thì phải trả, tuy nhiên hiện nay do Công ty gặp nhiều khó khăn, đề nghị Công ty SPK tạo điều kiện về mặt thời gian để công ty tìm phương án giải quyết trả nợ. Hiện

nay, anh Phan Văn Tlà chủ tịch Hội đồng quản trị đang có công việc bận nên không thể tới Tòa án được, anh Việt sẽ thay mặt anh Tuấn với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty B giải quyết vụ kiện này tại Tòa án.

*** *Tại phiên tòa:*** Nguyên đơn trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ gốc là 1.028.331.000 đồng và không đề nghị tính phí phạt.

Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chỉ có đại diện theo pháp luật là anh Phan Văn Vcó đơn xin vắng mặt, anh Phan Văn Tkhông có đơn xin vắng mặt, không có lời khai gửi Tòa án, không cung cấp chứng cứ tài liệu cho Tòa án, không lên Tòa án làm việc, do vậy Tòa án không có lời khai của anh Phan Văn Tuấn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Vụ án được giải quyết trong hạn luật định. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện, tham gia đầy đủ các buổi làm việc với Tòa án thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS 2015. Bị đơn cũng thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS 2015.

+ Về nội dung : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc của nguyên đơn là 1.028.331.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – **Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do thời điểm Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý vụ án, bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận Hoàng Mai nên căn cứ khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

[2]- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là Công ty cổ phần B và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Phan Văn V và Phan Văn T nhưng chỉ có ông Phan Văn

Vcó đơn xin vắng mặt, ông Phan Văn Tvắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan Văn Tuấn.

[3]- Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu Công ty cổ phần B phải trả cho Công ty TNHH A số tiền: 1.028.331.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: hợp đồng kinh tế số 08/2018 ngày 02/5/2018 và hợp đồng kinh tế số 09/2018 ngày 04/6/2018 ký kết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Hình thức và nội dung của hợp đồng không trái với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Các bên cũng không có yêu cầu nào khác phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến giải quyết tranh chấp nên Tòa án chấp nhận lời trình bày và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2018 và lời khai của nguyên đơn thì Công ty cổ phần B còn nợ của Công ty TNHH A số tiền là: 1.028.331.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng).

Do Công ty cổ phần B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty TNHH A khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần B phải trả số tiền trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu tính lãi phạt do chậm thanh toán nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu này của Công ty TNHH A.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo:

Do các yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Phía bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho phía nguyên đơn theo quy định.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ điều 116, 117, 119, 274, 275, 276 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điều 24 Luật thương mại;
- Căn cứ điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH A.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A: buộc Công ty cổ phần B phải trả cho Công ty TNHH A số tiền là: 1.028.331.000 đồng **đ** (*Một tỷ không trăm hai tám triệu ba trăm ba một nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Công ty cổ phần B phải chịu 42.849.930 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.000.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0006279 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- Viện kiểm sát ND Q. Hoàng Mai
- Tòa án ND TP. Hà Nội
- Viện kiểm sát NDTP. Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- *Lưu hồ sơ; Lưu VP*

Trần Thị Kim Cúc